

CÔNG TY CỔ PHẦN GOLFNET VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GOLFNET VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLFNET VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GOLFNET.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108731220

3. Ngày thành lập: 09/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 26, Ngõ 13, Tập thể công ty Xây Dựng Khu Nam, Đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934679368

Fax:

Email: golfnetvietnam@gmail.com

Website: golfnet.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
2.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	9329
3.	In ấn	1811(Chính)
4.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
7.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
8.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự	3319
13.	Xây dựng nhà để ở	4101
14.	Xây dựng nhà không để ở	4102

15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17.	Xây dựng công trình điện	4221
18.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20.	Xây dựng công trình thủy	4291
21.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
22.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
24.	Phá dỡ	4311
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
27.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
29.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
31.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
32.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
33.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
37.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Bán buôn băng, đĩa từ, băng đĩa quang (CDs, DVDs) chưa ghi (băng, đĩa trắng); - Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông; - Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến; - Bán buôn đầu đĩa CD, DVD.	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
43.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
44.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
45.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
46.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

49.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
51.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá bán lẻ qua internet)	4791
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
53.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn; - Quán ăn tự phục vụ; - Quán ăn nhanh;	5610
54.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
55.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động sản xuất chương trình truyền hình)	5911
56.	Hoạt động hậu kỳ Chi tiết: đồ họa máy tính	5912
57.	Hoạt động chiếu phim	5914
58.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. - Lập trình các phần mềm nhúng	6201
59.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
60.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
61.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
63.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)	7020

64.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Trừ loại nhà nước cấm)	6820
65.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
66.	Quảng cáo	7310
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
68.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
69.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
70.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: Các hoạt động sử dụng tài sản phi tài chính có trả tiền bản quyền hoặc phí giấy phép cho người chủ tài sản. Sử dụng tài sản này có thể dưới nhiều dạng, như cho phép tái sản xuất, sử dụng tiếp quy trình hay sản phẩm, nhượng quyền...Người chủ hiện thời có thể hoặc không tạo ra những sản phẩm này.	7740
71.	Đại lý du lịch	7911
72.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
73.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
74.	Đào tạo trung cấp	8532
75.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...);	8551
76.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
77.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
78.	Hoạt động của các cơ sở thể thao Chi tiết: + Sân golf, + Sân tennis, + Đường chơi bowling;	9311

79.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở;	9319
80.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
81.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
82.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
83.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
84.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
85.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức. (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH VĂN DƯƠNG	Số 15, Ngách 82/6, Ngõ 82 Đường Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	225.000	2.250.000.000	45,000	013290970	
			Tổng số	225.000	2.250.000.000	45,000		

